

01 Giới thiệu về Đại học Seoyeong

Số lượng sinh viên đang theo học

2,771

Người

Chương trình đào tạo cấp bằng (2+2 năm)

• Cao đẳng (chương trình 2 năm)

• Cử nhân thông thường (Chương trình chuyên sâu, năm 3-4)

Khóa học tiếng Hàn

• Hoàn thành khóa học 6–12 tháng → Nhập học chương trình cấp bằng (D-2)

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm

Đại học Seoyeong

76.4%

Đại học trên toàn quốc

70.3%

Độ Giáo dục, Công bố thống tin đại học năm 2024

Gwangju

2,771

Người

4,920

Người

<Theo thống kê 02.04.2025>

Paju

2,149

Người

Ga Wollong (Đại học Seoyeong) ↔ Seoul (Ga Yongsan)

KTX

1시간 40분

서영대학교 PAJU 캠퍼스

서영대학교 GWANGJU 캠퍼스

Gwangju (Một trong 5 thành phố lớn của Hàn Quốc)

Ưu điểm Đại học Seoyeong

Trường đại học định hướng việc làm

• Ký kết biên bản ghi nhớ (MOU) với các công ty như HD Hyundai Samho, Korea Alps, DK Industry, Tập đoàn DH, và Daehan Shipbuilding

• D-2 → E-7 / F-2-R

Được Bộ Tư pháp lựa chọn

Trường đại học được lựa chọn trong dự án thí điểm cấp visa theo vùng do Thành phố Gwangju đề xuất

Được lựa chọn là trường đại học đào tạo điều dưỡng viên chăm sóc cho người nước ngoài tại thành phố Gwangju

Trường đại học liên kết Chương trình Hội nhập Xã hội của Bộ Tư pháp

• Sau khi tốt nghiệp, đáp ứng đầy đủ các điều kiện bắt buộc để làm việc hoặc học tiếp

• Hoàn thành Chương trình Hội nhập Xã hội (giai đoạn 1-3) → Tương đương TOPIK cấp 1-3

Vừa làm (làm thêm, v.v.) vừa học (chương trình cấp bằng)

• Lớp học trực tiếp – 1 buổi/tuần (2 buổi/tuần nếu đăng ký Chương trình Hội nhập xã hội)

• Kết hợp học từ xa (trực tuyến)

02 Tuyển sinh du học sinh quốc tế – Tháng 3/2026 (D-2)

Lịch tuyển sinh	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3
Nộp hồ sơ nhập học	01/10/2025 ~ 21/11/2025	22/12/2025 ~ 02/01/2026	12/01/2026 ~ 11/02/2026
Công bố kết quả trúng tuyển	Từ 24/11/2025	Từ 05/01/2026	14/01/2026 ~ 12/02/2026
Nộp học phí	08/12/2025 ~ 16/12/2025	06/01/2026 ~ 12/01/2026	15/01/2026 ~ 20/02/2026
Cấp Giấy báo nhập học tiêu chuẩn	Từ 09/12/2025	Từ 07/01/2026	Từ 16/01/2026
Nhập cảnh và vào ký túc xá	Từ 23/02/2026		
Khai giảng	02/03/2026		

* Lịch trên có thể thay đổi và sẽ được thông báo trên website.

03 Chương trình cấp bằng (D-2)

Liên thông 2+2

Cao đẳng (2 năm)

Đại học (Chuyên ngành)

Năm 1

Năm 2

Năm 3

Năm 4

Hỗ trợ xin visa sau khi tốt nghiệp

Cao đẳng (2 năm)

Làm việc (E-7, F-2-R)

Năm 1

Năm 2

Làm việc

Quản lý việc làm

Cơ sở Gwangju

Học kỳ 1 : Học bổng 40%	Học kỳ 2 : Học bổng 30%	Học kỳ 3 : Học bổng 25%	Học kỳ 4 : Học bổng 25%	
Ngành tuyển sinh [Ban ngày/Ban đêm]	Chương trình đào tạo [Visa được cấp sau khi tốt nghiệp]	Học phí	Học bổng 40%	Tiền học phải nộp (Học kỳ 1)
Khoa tiếng Hàn thực tiễn [Ban ngày] [Chương trình tiếng Hàn/tiếng Anh]	Đào tạo tiếng Hàn thực hành tại hiện trường doanh nghiệp [E7(Visa lao động), F2R(Visa cư trú theo khu vực đặc thù)]	2,732,480 won	1,093,000 won	1,639,480 won
Khoa Phúc lợi Dưỡng lão [Ban ngày]	Đào tạo tiếng Hàn thực hành tại hiện trường doanh nghiệp [E72 (Visa lao động dành cho điều dưỡng viên chăm sóc), F2R]	2,732,480 won	1,093,000 won	1,639,480 won
Khoa Ô tô Tương lai AI [Ban ngày]	Đào tạo nhân lực kỹ thuật về bảo dưỡng và sản xuất ô tô [E7, F2R]	2,982,480 won	1,193,000 won	1,789,480 won
Khoa Làm đẹp & Thẩm mỹ [Ban ngày]	Đào tạo liên kết với việc cấp chứng chỉ hành nghề thẩm mỹ (da/tóc/móng/trang điểm) [E7, F2R]	2,982,480 won	1,193,000 won	1,789,480 won
Khoa Kỹ thuật công nghiệp [Ban ngày]	Đào tạo nhân lực kỹ thuật phổ thông như thợ hàn, thợ điện [E7, F2R]	2,982,480 won	1,193,000 won	1,789,480 won

* Các ngành tuyển sinh nêu trên là chương trình đào tạo chuyên môn hệ 2 năm (4 học kỳ). Các ngành và nội dung đào tạo có thể thay đổi. Vui lòng kiểm tra lịch tuyển sinh, hồ sơ cần nộp và thông tin chi tiết tại trang web của Đại học Seoyeong (www.seoyeong.ac.kr), mục Viện Giáo dục quốc tế (Cơ sở Gwangju, Tel 82-62-520-5144).

Cơ sở Paju

Học kỳ 1 : Học bổng 40%	Học kỳ 2 : Học bổng 30%	Học kỳ 3 : Học bổng 25%	Học kỳ 4 : Học bổng 25%	
Ngành tuyển sinh [Ban ngày/Ban đêm]	Chương trình đào tạo [Visa được cấp sau khi tốt nghiệp]	Học phí	Học bổng 40%	Tiền học phải nộp (Học kỳ 1)
Khoa Tiếng Hàn [Ban ngày] [Chương trình tiếng Hàn/tiếng Anh]	Đào tạo tiếng Hàn thực hành tại hiện trường doanh nghiệp [E7(Visa lao động), F2R(Visa cư trú theo khu vực đặc thù)]	2,982,480 won	1,193,000 won	1,789,480 won
★ Khoa Ô tô tương lai [Ban ngày/Ban đêm] [Chương trình tiếng Hàn/tiếng Anh]	Đào tạo nhân lực kỹ thuật về bảo dưỡng và sản xuất ô tô [E7, F2R]	3,432,480 won	1,373,000 won	2,059,480 won
Khoa Nghệ thuật làm đẹp [Ban ngày]	Đào tạo liên kết với việc cấp chứng chỉ hành nghề thẩm mỹ (da/tóc/móng/trang điểm) [E7, F2R]	3,432,480 won	1,373,000 won	2,059,480 won

★ Ngành Ô tô Tương lai (ban đêm) dành cho người lao động nước ngoài đang làm việc tại Hàn Quốc theo diện visa E9, E7, F2.
* Các ngành tuyển sinh nêu trên là chương trình đào tạo chuyên môn hệ 2 năm (4 học kỳ). Các ngành và nội dung đào tạo có thể thay đổi. Vui lòng kiểm tra lịch tuyển sinh, hồ sơ cần nộp và thông tin chi tiết tại trang web của Đại học Seoyeong (www.seoyeong.ac.kr), mục Giáo dục quốc tế (Cơ sở Paju, Tel 82-31-930-9640).

04 Chi phí ký túc xá và các chi phí khác _ Cơ sở Gwangju

Hạng mục	Số tiền	Ghi chú
Phí ký túc xá	Cơ sở Gwangju : 800,000 won / 6 tháng	4 người/phòng
Bảo hiểm du học sinh (bảo hiểm tai nạn)	65,000 won / 6 tháng	Bắt buộc tham gia bảo hiểm y tế quốc dân khi nhập cảnh
Chi phí khác	Các chi phí phát sinh sau khi nhập cảnh do sinh viên tự chi trả (Ví dụ: phí bảo hiểm (bảo hiểm y tế quốc dân, bảo hiểm du học sinh), tiền sách vở, lệ phí đăng ký người nước ngoài, v.v.)	

* Cơ sở Paju : Hướng dẫn chỗ ở gần trường đại học (nếu có nhu cầu)

05 Khóa học tiếng Hàn (D-4)_ Cơ sở Gwangju

Khai giảng Tháng 3 / Tháng 6 / Tháng 9 / Tháng 12

Lớp tiếng Hàn(160 tiếng) + Chương trình hỗ trợ thích nghi

Kéo dài 6 ~ 12 tháng

Đạt TOPIK cấp 2 hoặc Đạt bài kiểm tra nhập học

Chuyển tiếp Học chuyên ngành

Phân loại	Phí đăng ký	Học phí
Số tiền	50,000 won	1,046,000 won
Ghi chú	Đóng 1 lần	1 học kỳ

Seoyeong University International Education Center | 02-62-520-5144 | www.seoyeong.ac.kr